

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 07/7/2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quan Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lộc Thị Kim Thơm

2. Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Chung Duy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Nguyễn Thảo Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2025, tại Cơ sở 1 Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc: *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2025 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Bùi Minh T, sinh ngày 12/12/ 1935.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn K, phường M, tỉnh Tuyên Quang).

*** Bị đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh ngày 15/10/1966.

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Y, phường A, tỉnh Tuyên Quang).

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt 02 lần không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 02/02/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến

khoảng 4-5 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông và bà L bất đồng quan điểm sống, bà L thường xuyên đi làm về muộn, có hôm đến 12 giờ đêm mới về, không quan tâm, hỏi thăm gì đến ông. Bà L thiếu trách nhiệm, nghĩa vụ của một người vợ, người con dâu con trong gia đình. Bà L đã nhiều lần bỏ nhà đi một thời gian dài (khoảng 3-4 tháng). Hiện nay bà L bỏ đi làm ăn xa, ông đã nhiều lần điện thoại và tìm gặp để thuyết phục bà L quay về nhưng nhiều lần không liên lạc được, bà L cũng không đồng ý quay về. Ông và bà L bắt đầu sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Phạm Thị L.

- Về con chung, vay nợ, cho vay nợ chung: Ông và bà Phạm Thị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do bà Phạm Thị L vắng mặt tại địa phương Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà L. Tuy nhiên bà L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh tại Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn Y, phường A, tỉnh Tuyên Quang) như sau:

Ông Bùi Minh T và bà Phạm Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 02/02/2013. Sau khi kết hôn, ông và bà chung sống tại nhà riêng của ông T ở Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Bà L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do hai nhà gần nhau (cách 1km) nên ông T, bà L vẫn thường xuyên qua lại giữa hai nhà. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai ông bà chênh lệch tuổi tác lớn (31 tuổi), nên khi về già tính cách mỗi người một khác, không thể dung hòa trong cuộc sống được. Bà L hay đi làm ăn xa ít về nhà chăm sóc ông T. Theo thông tin địa phương nắm được ông T, bà L đã ly thân từ năm 2024. Hiện nay bà L đi làm ăn xa không có mặt ở địa phương, bà L làm gì, ở đâu địa phương không nắm được. Thi thoảng bà L vẫn về thăm nhà khoảng 1-2 lần/ tháng.

Về con chung: Ông Bùi Minh T và bà Phạm Thị L không có con chung.

Về tài sản chung: Ông Bùi Minh T và bà Phạm Thị L có tài sản gì chung thì thôn không nắm được.

Về vay nợ chung: Ông Bùi Minh T và bà Phạm Thị L không vay nợ tổ chức, đoàn thể nào của thôn.

Nay ông T khởi kiện Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà L, đề nghị Tòa án niêm yết các giấy tờ đối với bà L theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại Công an xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thể hiện bà Phạm Thị L, sinh năm 1966 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Bà Phạm Thị L thường xuyên đi làm ăn xa không có

mặt tại địa phương, thi thoảng mới về nhà, bà L làm gì, ở đâu địa phương không nắm được.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh T, xử cho ông Bùi Minh T được ly hôn với bà Phạm Thị L.

Về án phí, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Minh T (do ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí), bà Phạm Thị L không phải chịu án phí. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Bùi Minh T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị L. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Phạm Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nay là phường M, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn ông Bùi Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị L triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Ông Bùi Minh T và bà Phạm Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013, quyển số 01/2012 ngày 02/02/2013, hai bên kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy quan hệ hôn nhân của ông T và bà L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông T, bà L chung sống tại nhà riêng của ông T ở Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (nay là Thôn K, phường M, tỉnh Tuyên Quang). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông T xác định do bà L thường xuyên đi làm về muộn, không quan tâm, hỏi thăm đến ông. Bà L thiếu trách nhiệm, nghĩa vụ của một người vợ, người con dâu con trong gia đình. Bà L đã nhiều lần bỏ nhà đi một thời gian dài (khoảng 3-4 tháng). Hiện nay bà L bỏ đi làm ăn xa, ông T đã nhiều lần điện thoại và tìm gặp để thuyết phục bà L quay về nhưng nhiều lần không liên lạc được, bà L cũng không đồng ý quay về. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2024. Bản thân ông T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được.

Tại biên bản lấy lời khai đối với chị Trần Thị S là con gái sống cùng nhà với bà L, chị S trình bày: Khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bà L qua đường bưu điện chị là người ký nhận, chị có thông báo cho bà L biết việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa ông T và bà L. Tuy nhiên do không thể sắp xếp thời gian, công việc nên bà L không đến Tòa án làm việc được. Khi được chị thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án, bà L có trình bày với chị bà L có nguyện vọng được ly hôn với ông T, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên hòa giải nhưng bà L không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy bà L cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Ông Bùi Minh T và bà Phạm Thị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông Bùi Minh T và bà Phạm Thị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về công nợ chung: Ông Bùi Minh T và bà Phạm Thị L không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Bùi Minh T do ông T là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí. Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh T về việc: *Tranh chấp ly hôn* đối với bà Phạm Thị L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh T được ly hôn bà Phạm Thị L (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2013, quyển số 01/2012 ngày 02/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Bùi Minh T (do ông T là người cao tuổi). Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực I – Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quan Thị Thu Trang